TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HN-ST;
Ngày: 04/02/2026;
V/v "*yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*";

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Bùi Tuấn Khanh.

2. Ông Đặng Hoàng Mích.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Thành Trung – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 409/2025/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2025 về việc "*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 2000 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Lê Tô N, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2025, trong quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 26/12/2025, chị Trần Thị Mỹ D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Tô Na C nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 29/9/2021, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị với anh N cũng có ngồi lại giải quyết mâu thuẫn nhiều lần nhưng vẫn không được nên đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2025 đến nay. Trong thời gian sống ly hôn, anh chị cũng không có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn nên nay chị nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn với anh N, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Tô Na .

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh N có 01 con chung tên là Lê Hoàng Gia H, sinh ngày 30/01/2018 hiện đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị xin để cháu H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: không có.

** Trong suốt quá trình tố tụng và phiên tòa sơ thẩm, anh Lê Tô N đều vắng mặt, không gửi bản tự khai, văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ D.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ D đối với anh Lê Tô Na . Về con chung: Để cháu Lê Hoàng Gia H, sinh ngày 30/01/2018 cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không có ý kiến yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Trần Thị Mỹ D vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Lê Tô N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ D và anh Lê Tô N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị D và anh N chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng đã ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn

nhiều lần nhưng vẫn không kết quả nên đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2025 đến nay. Trong suốt quá trình tố tụng cũng như đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị D vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn với anh N và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Mặt khác, anh N cũng biết được việc chị D xin ly hôn với anh nhưng anh vẫn không gửi văn bản, hay đến Tòa án thể hiện ý kiến xin hàn gắn. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh N là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 9, 56 Luật Hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Cháu Lê Hoàng Gia H, sinh ngày 30/01/2018; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị D và anh N sống ly thân thì cháu H vẫn do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa, trong suốt quá trình tố tụng cũng như đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị D vẫn giữ nguyên ý kiến để cháu H cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến cháu H thì cháu H cũng có nguyện vọng sống với cha nên Hội đồng xét xử xét thấy cần để cháu H cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình. Anh N không thể hiện ý kiến yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không có.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Trần Thị Mỹ D có nghĩa vụ phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ D đối với anh Lê Tô Na .

2. Về con chung: Anh Lê Tô N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng Gia H, sinh ngày 30/01/2018 (phù hợp với biên bản lấy ý kiến cháu H vào ngày 24/12/2025 của Tòa án). Anh N không thể hiện ý kiến yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Trần Thị Mỹ D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), buộc chị Trần Thị Mỹ D có nghĩa vụ phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007422 ngày 27/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh V. Án phí hôn nhân, chị D đã nộp xong.

Báo cho chị Trần Thị Mỹ D, anh Lê Tô N biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8;
- UBND xã Lộc Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Chí Vũ